

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	13 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Viễn thông VTC đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất gồm Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị Điện thoại là "Trung tâm nguyên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC1)" theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 8 tháng 9 năm 1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 16 tháng 06 năm 2015 với mã số doanh nghiệp 0301888195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Mã chứng khoán : VTC.

Vốn điều lệ : 45.346.960.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 750 (Lầu 3) Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện : Số nhà 355, phố Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: VTC Telecommunication Joint Stock Company

Điện thoại : + 84-(028) 3833 1106

Fax : + 84-(028) 3830 0253

3. Cấu trúc

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh	Lô I-3b-4-a, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, TPHCM.	In ấn, sản xuất các loại thẻ dùng trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, sản xuất phần mềm, mua bán máy móc, nguyên vật liệu sản xuất thẻ.....	60%	60%	60%

4. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt và sửa chữa các công trình, các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, các thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Sửa chữa các thiết bị liên lạc: Sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện thoại di động.
- Sửa chữa máy vi tính và các thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng, bảo hành các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Xuất bản phần mềm: Viết phần mềm, sản xuất phần mềm điện thoại di động, sản xuất phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi hàng hóa. Đại lý phân phối sản phẩm cáp và thiết bị viễn thông. Đại lý mua bán hàng hóa. Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet. Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có VOIP. Hoạt động các điểm truy cập Internet;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán các thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông, thiết bị điện tử, tin học, điện thoại di động;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện - điện tử, tin học;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng và sửa chữa các công trình viễn thông, điện - điện tử, tin học, cơ sở hạ tầng công trình viễn thông;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;

- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khí tượng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Bổ nhiệm</i>	<i>Miễn nhiệm</i>
Ông Lê Xuân Tiến	Chủ tịch		
Ông Lê Văn Giảng	Thành viên		28/4/2017
Ông Hồ Lê Nhật Hoan	Thành viên		
Ông Võ Hùng Tiến	Thành viên		
Bà Lê Thị Thanh	Thành viên		
Ông Bùi Văn Bằng	Thành viên	28/4/2017	

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Thiên Lợi	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Vũ	Thành viên

5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Xuân Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thụy Kiều Giang	Kế toán trưởng

6. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Xuân Tiến – Tổng Giám đốc Công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 48.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh.

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Ban Điều hành



LÊ XUÂN TIẾN
Tổng Giám đốc

Số:2344/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017, từ trang 09 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Viễn thông VTC, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2016.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Th.s Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1523-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

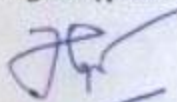
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		124.843.803.558	163.506.344.801
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	13.095.048.298	23.564.734.015
111	1. Tiền		2.375.048.298	4.923.715.409
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.720.000.000	18.641.018.606
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		2.200.000.000	3.127.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	2.200.000.000	3.127.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.661.723.995	93.401.649.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	36.189.353.895	74.555.070.967
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	4.586.558.627	4.049.595.310
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	380.600.000	3.280.600.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	24.308.815.572	12.433.348.952
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(803.604.099)	(916.965.795)
140	IV. Hàng tồn kho		43.704.766.744	42.683.815.924
141	1. Hàng tồn kho	V.8	43.704.766.744	42.683.815.924
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.182.264.521	729.145.428
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	499.824.649	349.532.763
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		640.213.523	379.612.665
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	42.226.349	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		33.857.319.670	35.212.285.350
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.188.565.823	1.056.580.810
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.188.565.823	1.056.580.810
220	II. Tài sản cố định		23.952.215.846	24.924.816.705
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	23.761.648.313	24.713.356.968
222	- Nguyên giá		58.884.298.779	58.523.982.299
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.122.650.466)	(33.810.625.331)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	190.567.533	211.459.737
228	- Nguyên giá		456.565.864	456.565.864
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(265.998.331)	(245.106.127)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		700.000.000	700.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	700.000.000	700.000.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		3.580.000.000	3.580.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	3.580.000.000	3.580.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.436.538.001	4.950.887.835
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	4.306.441.462	4.817.869.276
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.13	130.096.539	133.018.559
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		158.701.123.228	198.718.630.151

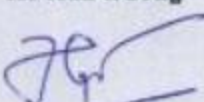
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		80.543.032.886	112.390.166.322
310	I. Nợ ngắn hạn		80.543.032.886	111.256.938.322
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	20.598.829.742	53.192.986.813
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	5.380.183.760	356.400.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	2.243.672.790	1.222.350.191
314	4. Phải trả người lao động		4.468.039.852	5.742.192.052
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	602.502.680	162.617.776
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	3.594.088.204	10.855.930.419
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	42.442.019.756	38.663.841.535
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	1.213.696.102	1.060.619.536
330	II. Nợ dài hạn		-	1.133.228.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	1.133.228.000
400	D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		78.158.090.342	86.328.463.829
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	78.158.090.342	86.328.463.829
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.346.960.000	45.346.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.346.960.000	45.346.960.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		200.264.000	200.264.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		5.338.982.557	5.338.982.557
415	4. Cổ phiếu quỹ		(55.530.000)	(55.530.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		6.175.153.024	7.483.290.678
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		178.386.611	178.386.611
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.194.694.746	7.386.291.682
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.421.718.370	601.814.070
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(2.227.023.624)	6.784.477.612
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		18.779.179.404	20.449.818.301
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		158.701.123.228	198.718.630.151

Người lập biểu



NGUYỄN THUY KIỀU GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THUY KIỀU GIANG

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017



Tổng Giám đốc



LÊ XUÂN TIÊN

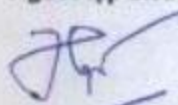
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

ĐVT: VND

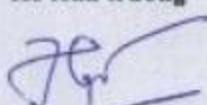
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VL1	90.813.734.163	44.986.408.164
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.813.734.163	44.986.408.164
11	4. Giá vốn hàng bán	VL2	72.242.694.324	33.891.283.011
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.571.039.839	11.095.125.153
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VL3	783.425.815	402.192.700
22	7. Chi phí tài chính	VL4	3.344.208.307	2.274.559.410
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.652.194.953	1.467.224.026
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	286.770.788
25	9. Chi phí bán hàng	VL5	7.142.147.636	6.132.911.113
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VL6	6.594.644.874	5.627.028.620
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.273.464.837	(2.250.410.502)
31	12. Thu nhập khác		200	70.000.000
32	13. Chi phí khác	VL7	684.264.309	69.010.881
40	14. Lợi nhuận khác		(684.264.109)	989.119
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.589.200.728	(2.249.421.383)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VL8	1.483.941.229	1.102.723.002
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VL9	2.922.020	8.140.815
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		102.337.479	(3.360.285.200)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(2.227.023.624)	(5.116.198.414)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.329.361.103	1.755.913.214
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VL10	(609)	(1.247)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VL11	(609)	(1.247)

Người lập biểu



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017



Tổng Giám đốc

LÊ XUÂN TIỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

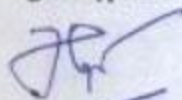
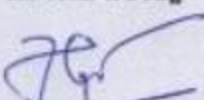
ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.589.200.728	(2.249.421.383)
	2. Điều chỉnh các khoản		3.464.166.537	2.309.677.474
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		1.332.917.339	1.461.963.581
03	- Các khoản dự phòng		(113.361.696)	49.881.970
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(232.352)	1.034.198
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(407.351.707)	(670.426.301)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	2.652.194.953	1.467.224.026
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.053.367.265	60.256.091
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		25.858.309.575	14.758.305.756
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.020.950.820)	(112.492.108.014)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(36.197.672.871)	-
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		361.135.928	341.206.933
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.526.411.364)	(1.021.957.331)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(988.703.608)	(575.707.666)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(182.240.000)	(1.008.330.769)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.643.165.895)	(80.275.025.571)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(360.316.480)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	70.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000)	(3.370.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.927.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		592.689.485	313.655.513
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.059.373.005	(2.986.344.487)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.19	59.854.894.126	127.548.154.064
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(57.209.943.905)	(22.298.228.142)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.531.075.400)	(1.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.886.125.179)	104.249.925.922
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(10.469.918.069)	20.988.555.864
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.564.734.015	9.578.298.736
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		232.352	(1.034.198)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	13.095.048.298	30.565.820.402

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THUY KIỆU GIANG

NGUYỄN THUY KIỆU GIANG



LÊ XUÂN TIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt và sửa chữa các công trình, các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, các thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Sửa chữa các thiết bị liên lạc: Sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện thoại di động.
- Sửa chữa máy vi tính và các thiết bị ngoại vi: Sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng, bảo hành các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Xuất bản phần mềm: Viết phần mềm, sản xuất phần mềm điện thoại di động, sản xuất phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý ký gửi hàng hóa. Đại lý phân phối sản phẩm cáp và thiết bị viễn thông. Đại lý mua bán hàng hóa. Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet. Dịch vụ kỹ thuật do kiểm soát chất lượng thiết bị mạng dịch vụ viễn thông, tin học. Cung cấp dịch vụ viễn thông qua các kết nối viễn thông hiện có VOIP. Hoạt động các điểm truy cập Internet;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- In ấn: Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác, in offset, in nhiệt trên thẻ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Mua bán các thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông, thiết bị điện tử, tin học, điện thoại di động;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện - điện tử, tin học;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng và sửa chữa các công trình viễn thông, điện - điện tử, tin học, cơ sở hạ tầng công trình viễn thông;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Nghiên cứu các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện - điện tử, tin học. Sản xuất, lắp ráp điện thoại di động, các thiết bị phần cứng của điện thoại di động;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khí tượng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ có nghiệp vụ phát sinh ảnh hưởng đến báo cáo tài chính doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao, tăng 101,87% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân doanh thu tăng chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh thương mại.

6. Cấu trúc

Bao gồm Công ty mẹ và Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh	Lô I-3b-4-a, đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, TPHCM.	In ấn, sản xuất các loại thẻ đứng trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, sản xuất phần mềm, mua bán máy móc, nguyên vật liệu sản xuất thẻ...	60%	60%	60%

7. Tình hình lao động

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 154 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 165 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con" và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ

các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định - cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty

con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phát được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp.

• **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
Tài sản cố định khác	03 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Phương pháp và nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, chủ yếu là các thiết bị di động vệ tinh

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp lắp đặt các thiết bị viễn thông

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
 - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- + Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

21. Số liệu so sánh

Trình bày lại chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho phù hợp

	Mã số	Số liệu trước điều	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều
		chính		chính
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.130)	(117)	(1.247)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(1.130)	(117)	(1.247)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	716.836.480	794.165.508
1.2	Tiền gửi ngân hàng	1.658.211.818	4.129.549.901
1.3	Các khoản tương đương tiền	10.720.000.000	18.641.018.606
	Tổng cộng	13.095.048.298	23.564.734.015

Trong đó:

- Bao gồm khoản tiền mặt có gốc ngoại tệ là 105,00 USD tương đương 2.326.695 đồng.
- Bao gồm khoản ngân hàng có gốc ngoại tệ là 998,20 USD tương đương 20.472.060 đồng.

1.3 Các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở Giao dịch 2.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 đến 30 tháng 12 năm 2017 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Khoản đầu tư này dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông – Vinaphone.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Dài hạn</i>	3.580.000.000	3.580.000.000	3.580.000.000	3.580.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.580.000.000	3.580.000.000	3.580.000.000	3.580.000.000
Cộng	3.580.000.000	3.580.000.000	3.580.000.000	3.580.000.000

(*) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –CN Chợ lớn kỳ hạn 13 tháng.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và các khoản cấp bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	36.189.353.895	74.555.070.967
Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone (*)	12.854.406.125	890.958.750
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (*)	6.475.260.000	3.372.787.000
Trung Tâm Dịch vụ Viễn Thông Khu vực II (Trung tâm Hạ tầng Mạng Miền Nam)	2.172.172.095	-
Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	9.219.920.990	-
Các khách hàng khác	5.467.594.685	70.291.325.217
Cộng	36.189.353.895	74.555.070.967

(*) Khoản phải thu từ Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone và Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông – Vinaphone đã được dùng làm tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0160-HĐTD2.VIB625.17 ngày 01 tháng 6 năm 2017.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	4.586.558.627	4.049.595.310
Công ty TNHH SX-TM In Bao bì Hoàn Hào	697.000.000	1.394.000.000
BLOCKER Graphische Maschinen GmbH	675.506.000	-
Century Longmai Technology Co.,Ltd	388.512.000	234.560.550
Công ty Cổ phần Công nghệ Vision	1.318.624.000	-
Công ty TNHH TM và Công nghệ Vĩnh Khánh	841.254.000	-
Các nhà cung cấp khác	665.662.627	2.421.034.760
Cộng	4.586.558.627	4.049.595.310

Trong đó, khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ là: 26.000 EUR và 21.570 USD tương đương 1.165.822.250 đồng.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	380.600.000	280.600.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp (*)	380.600.000	280.600.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	3.000.000.000
Các tổ chức khác	-	3.000.000.000
Cộng	<u>380.600.000</u>	<u>3.280.600.000</u>

(*) Các Hợp đồng cho vay như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hợp đồng tín dụng số 11022015	176.600.000	176.600.000
Hợp đồng tín dụng số 12022015	104.000.000	104.000.000
Hợp đồng tín dụng số 09032017	100.000.000	-
Cộng	<u>380.600.000</u>	<u>280.600.000</u>

- Hợp đồng tín dụng số 11022015 ngày 11 tháng 02 năm 2015 và phụ lục số 11022015/001 ngày 11 tháng 4 năm 2016, số tiền 176.600.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 10%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 12022015 ngày 12 tháng 02 năm 2015 và phụ lục số 12022015/001 ngày 12 tháng 4 năm 2016, số tiền 104.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 10%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 09032017 ngày 09 tháng 3 năm 2017, số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 10%/năm.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	24.308.815.572	-	12.433.348.952	-
Lãi tiền gửi	168.304.445	-	83.286.667	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	178.196.020	-	157.953.056	-
Ký cược, ký quỹ	856.465.743	-	392.820.510	-
Tạm ứng	22.275.307.610	-	11.038.661.810	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	830.541.754	-	760.626.909	-
Cộng	24.308.815.572	-	12.433.348.952	-

Ký cược, Ký quỹ

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	403.165.180	-	89.244.806	-
Công ty CP Tập đoàn Mai Linh (Taxi Mai Linh)	10.000.000	-	10.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	302.150.563	-	192.425.704	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh Doanh nhà TPHCM	96.000.000	-	96.000.000	-
Các khách hàng khác	45.150.000	-	5.150.000	-
Cộng	856.465.743	-	392.820.510	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện và bảo hành hợp đồng.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.188.565.823	-	1.056.580.810	-
Ký quỹ, ký cược	1.188.565.823	-	1.056.580.810	-
Cộng	1.188.565.823	-	1.056.580.810	-

Ký quỹ, ký cược

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.188.565.823	-	1.056.580.810	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	148.059.863	-	89.095.875	-
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	994.205.960	-	921.184.935	-
Các nhà cung cấp khác	46.300.000	-	46.300.000	-
Cộng	1.188.565.823	-	1.056.580.810	-

7. **Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	803.604.099	-	916.965.795	-
Huawei Technologies (Cambodia)	110.532.800	-	100.944.241	-
Huawei Technologies (Trung Quốc)	381.287.040	-	-	-
Công ty CP chi nhánh Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	170.280.000	-	170.280.000	-
Các đối tượng khác	141.504.259	-	645.741.554	-
Cộng	803.604.099	-	916.965.795	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	(916.965.795)	(781.943.825)
Trích lập trong kỳ	(467.050.864)	(49.881.970)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Xóa nợ (*)	580.412.560	-
Số dư cuối kỳ	(803.604.099)	(831.825.795)

(*) Là khoản xóa nợ của Công ty con theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghệ thông minh ngày 06 tháng 3 năm 2017.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi đi bán	2.506.900.000	-	34.489.294	-
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	14.824.182.016	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.618.590.820	-	2.762.421.966	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	28.591.108.652	-	17.369.917.834	-
Thành phẩm	1.930.966.563	-	624.253.204	-
Hàng hóa	6.057.200.709	-	7.068.551.610	-
Cộng	43.704.766.744	-	42.683.815.924	-

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 0 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ.

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí phân bổ các công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết gồm

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Số đầu năm	349.532.763	302.274.932
Tăng trong kỳ	610.996.395	433.475.618
Phân bổ trong kỳ	(460.704.509)	(301.407.857)
Số cuối kỳ	499.824.649	434.342.693

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	3.337.060.551	3.388.654.791
Công cụ dụng cụ	917.504.506	1.188.627.098
Chi phí khác	51.876.405	240.587.387
Cộng	<u>4.306.441.462</u>	<u>4.817.869.276</u>

⁽¹⁾ Chi phí thuê đất tại lô I-3b-4-a đường N6, Khu Công Nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, Tp.HCM đến ngày 24 tháng 8 năm 2054, với tổng giá trị tiền thuê là 2.582.986.475 đồng.

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB 866611 ngày 08 tháng 01 năm 2011 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp. Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB 866611 đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB – Chi nhánh Sài Gòn.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau :

Chi tiết gồm

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Số đầu năm	4.817.869.276	4.800.373.542
Tăng trong kỳ	127.214.409	154.627.357
Phân bổ trong kỳ	(638.642.223)	(348.025.776)
Số cuối kỳ	<u>4.306.441.462</u>	<u>4.606.975.123</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	23.833.792.553	27.739.630.818	6.025.025.739	858.063.309	67.469.880	58.523.982.299
2. Tăng trong kỳ	-	360.316.480	-	-	-	360.316.480
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	23.833.792.553	28.099.947.298	6.025.025.739	858.063.309	67.469.880	58.884.298.779
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	6.008.734.624	24.543.526.125	2.454.163.179	736.731.523	67.469.880	33.810.625.331
2. Tăng trong kỳ	541.152.450	533.855.378	213.506.019	23.511.288	-	1.312.025.135
Khấu hao trong kỳ	541.152.450	533.855.378	213.506.019	23.511.288	-	1.312.025.135
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	6.549.887.074	25.077.381.503	2.667.669.198	760.242.811	67.469.880	35.122.650.466
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	17.825.057.929	3.196.104.693	3.570.862.560	121.331.786	-	24.713.356.968
2. Tại ngày cuối kỳ	17.283.905.479	3.022.565.795	3.357.356.542	97.820.497	-	23.761.648.313

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.829.236.579 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 19.143.468.956 đồng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	456.565.864	456.565.864
2. Tăng trong kỳ	-	-
<i>Tăng do mua mới</i>	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	456.565.864	456.565.864
II. Giá trị hao mòn		
1. Số đầu năm	245.106.127	245.106.127
2. Tăng trong kỳ	20.892.204	20.892.204
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	20.892.204	20.892.204
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	265.998.331	265.998.331
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	211.459.737	211.459.737
2. Tại ngày cuối kỳ	190.567.533	190.567.533

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 203.393.864 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay là: 0 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển		Số cuối kỳ
			vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	
Dự án xây dựng nhà xưởng khu công nghệ cao	700.000.000	-	-	-	700.000.000
Cộng	700.000.000	-	-	-	700.000.000

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong kỳ	Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	133.018.559	(2.922.020)	-	-	130.096.539
+ Các chi phí phải trả	133.018.559	(2.922.020)	-	-	130.096.539
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-	-	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Cộng	133.018.559	(2.922.020)	-	-	130.096.539

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<i>20.598.829.741</i>	<i>53.192.986.813</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ Vision	9.438.617.600	13.142.670.000
Công ty TNHH SX-TM In Bao bì Hoàn Hảo	7.356.425.875	1.192.210.833
Các nhà cung cấp khác	3.803.786.267	38.858.105.980
Cộng	20.598.829.742	53.192.986.813

Số nợ quá hạn chưa thanh toán : 0 đồng.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.380.183.760</i>	<i>356.400.000</i>
Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	1.576.887.760	-
Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone	2.747.547.000	-
Công ty CP Công nghệ CYBERLOTUS Việt Nam	198.000.000	356.400.000
Các khách hàng khác	857.749.000	-
Cộng	5.380.183.760	356.400.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	300.099.929	3.200.638.124	(2.964.501.298)	-	536.236.755
Thuế giá trị gia tăng hàng xuất, nhập khẩu	-	-	2.212.445.275	(2.212.445.275)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	46.162.034	(46.162.034)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	623.665.869	1.483.941.229	(988.703.608)	-	1.118.903.490
Thuế thu nhập cá nhân	-	292.950.332	1.136.037.426	(1.433.267.592)	42.226.349	37.946.515
Thuế nhà thầu	-	-	544.951.969	-	-	544.951.969
Các loại thuế khác	-	5.634.061	4.000.000	(4.000.000)	-	5.634.061
Cộng	-	1.222.350.191	8.628.176.057	(7.649.079.807)	42.226.349	2.243.672.790

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>602.502.680</i>	<i>162.617.776</i>
Chi phí lãi vay phải trả	125.783.589	162.617.776
Chi phí du lịch	176.719.091	-
Chi phí thuê nhà Q2.2017	300.000.000	-
Cộng	602.502.680	162.617.776

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	3.594.088.204	10.855.930.419
Kính phí công đoàn	690.842.807	791.616.969
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	705.655.138	13.727.388
Phải trả nhân viên tiền thực hiện dự án	163.000.000	1.193.655.254
Khoản nhận ký quỹ	130.000.000	130.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.904.590.259	8.726.930.808
Cộng	3.594.088.204	10.855.930.419

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	42.442.019.756	42.442.019.756	38.663.841.535	38.663.841.535
-Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn ⁽ⁱ⁾	10.310.775.909	10.310.775.909	10.774.003.925	10.774.003.925
-Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	15.221.243.847	15.221.243.847	8.487.101.610	8.487.101.610
Vay từ các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	16.910.000.000	16.910.000.000	19.025.000.000	19.025.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	377.736.000	377.736.000
Cộng	42.442.019.756	42.442.019.756	38.663.841.535	38.663.841.535

⁽ⁱ⁾ Khoản vay từ Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 638/2017/6690764/HĐTD ngày 07 tháng 4 năm 2017, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1118/2017/6690764/HĐTD ngày 05 tháng 6 năm 2017.

- Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng
- Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng

- Lãi suất theo từng kế ước vay
- Thời hạn vay: tối đa 5 tháng/kế ước
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC
- Tài sản đảm bảo : ký quỹ, cầm cố, thế chấp tài sản của Công ty, đề nghị tín chấp tối đa theo quy định của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh chợ Lớn.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 theo hợp đồng:

+ Hạn mức tín dụng số 23025.16.103.2344761.TD ngày 26/6/2016, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1118/2017/6690764/HDTD ngày 5/6/2017.

- Hạn mức tín dụng: 22.000.000.000 đồng
- Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 26/3/2017
- Lãi suất theo từng kế ước vay
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động
- Tài sản đảm bảo: Tiền ký quỹ, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2 phát hành và giá trị dờ đang quyền đòi nợ từ các công trình do Ngân hàng tài trợ.

+ Hạn mức tín dụng số 11383.17.103.2344761.TD ngày 22/6/2017, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1118/2017/6690764/HDTD ngày 5/6/2017.

- Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng
- Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 30/4/2018
- Lãi suất theo từng kế ước vay
- Mục đích vay: thanh toán lương, thanh toán tiền mua hàng hóa
- Tài sản đảm bảo: Xe Toyota 51F-524.47 và các Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2, tiền ký quỹ tại Ngân hàng, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành

(iii) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2017 là 16.910.000.000 đồng.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	687.972.965	-	(130.300.000)	557.672.965
Quỹ phúc lợi	372.646.571	344.816.566	(61.440.000)	656.023.137
Cộng	1.060.619.536	344.816.566	(191.740.000)	1.213.696.102

21. **Vốn chủ sở hữu**

21a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	45.346.960.000	200.264.000	5.338.982.557	(55.530.000)	7.066.251.683	905.092.380	915.814.070	19.085.584.338	78.803.419.028
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	417.038.995	-	7.618.555.601	2.780.259.959	10.815.854.555
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(726.705.769)	(1.148.077.989)	(1.416.025.996)	(3.290.809.754)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	45.346.960.000	200.264.000	5.338.982.557	(55.530.000)	7.483.290.678	178.386.611	7.386.291.682	20.449.818.301	86.328.463.829
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	344.816.566	-	(2.227.023.624)	2.329.361.103	447.154.045
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(1.652.954.220)	-	(2.964.573.312)	(4.000.000.000)	(8.617.527.532)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.652.954.220)	-	(1.970.360.180)	(4.000.000.000)	(7.623.314.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(994.213.132)	-	(994.213.132)
Số dư cuối kỳ	45.346.960.000	200.264.000	5.338.982.557	(55.530.000)	6.175.153.024	178.386.611	2.194.694.746	18.779.179.404	78.158.090.342

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2016, căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Thành viên ngày 06 tháng 3 năm 2017.

21b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp cổ đông Nhà nước (*)	46,67%	21.163.160.000	21.163.160.000
Vốn góp các cổ đông khác	53,33%	24.183.800.000	24.183.800.000
Cộng	100,00%	45.346.960.000	45.346.960.000

(*) Cổ đông Nhà nước là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam.

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.346.960.000	45.346.960.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	45.346.960.000	45.346.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	3.623.314.400	-

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2017.

21d. Cổ phiếu

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.534.696	4.534.696
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.534.696	4.534.696
+ Cổ phiếu phổ thông	4.534.696	4.534.696
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	5.553	5.553
+ Cổ phiếu phổ thông	5.553	5.553
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.529.143	4.529.143
+ Cổ phiếu phổ thông	4.529.143	4.529.143
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

21e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chế tạo sản phẩm mới;
- Mua sắm mới TSCĐ và dây chuyền công nghệ;
- Góp vốn liên doanh liên kết, đầu tư các dự án BOT, BO, BT, BCC.

- Các hoạt động đầu tư khác.

Quỹ khen thưởng

- Khen thưởng đột xuất các tập thể, cá nhân trong Công ty có thành tích đóng góp xuất sắc trong năm;
- Khen thưởng cuối năm hoặc thường kỳ vào các ngày lễ tết cho CBNV trong Công ty;
- Khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có thành tích đóng góp xây dựng phát triển Công ty.

Quỹ phúc lợi

- Chi cho nghỉ ngơi tham quan du lịch hàng năm của CBNV trong Công ty;
- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty;
- Công tác đối ngoại, hỗ trợ cho CBNV trong Công ty, tham gia chính sách xã hội;
- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho Người lao động trong Công ty gặp hoạn nạn khó khăn;
- Các hoạt động khác (văn nghệ, thể dục thể thao...);

Việc sử dụng Quỹ phúc lợi do Tổng Giám đốc quyết định kết hợp với việc tham khảo ý kiến của Công đoàn công ty.

21f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	7.386.291.682
Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.227.023.624)
Phân phối trong kỳ:	(2.964.573.312)
+ <i>Quỹ phúc lợi</i>	344.816.566
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	344.816.566
+ <i>Thù lao HDQT, BKS</i>	304.580.000
+ <i>Chia cổ tức năm 2016</i>	1.970.360.180
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	2.194.694.746

Lợi nhuận phân phối trong kỳ căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2017.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	580.412.560	-	-
Ngoại tệ các loại (USD)	1.103,2	22.827.315	1.118,47	24.827.537

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm điện thoại di động C.D.M.A	243.132.545	-
Viettel (Cambodia) Pte.,Ltd	135.371.200	-
Công ty CP Đầu tư và PT Hệ thống Nguyễn Trịnh	72.034.001	-
Công ty CP Internet Một kết nối	56.508.143	-
Công ty TNHH Lava Land	20.379.980	-
Công ty TNHH Công nghệ Phát triển Thông tin Đạt Thịnh	17.956.000	-
Công ty TNHH Giải pháp Điện tử Việt Nam	16.645.000	-
Công ty Cp Công nghệ mới Nova	11.389.538	-
Beautiful Card Corporation	6.996.153	-
Cộng	<u>580.412.560</u>	<u>-</u>

Là khoản xóa nợ của Công ty con theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên ngày 6 tháng 03 năm 2017.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>06 tháng đầu năm 2017</u>	<u>06 tháng đầu năm 2016</u>
Tổng doanh thu		
Doanh thu thương mại	48.084.804.700	-
Doanh thu thành phẩm	39.266.025.000	35.658.462.960
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.804.074.436	8.355.777.895
Doanh thu hoạt động khác	658.830.027	972.167.309
Cộng	<u>90.813.734.163</u>	<u>44.986.408.164</u>

2. Giá vốn bán hàng

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Giá vốn hoạt động thương mại	44.572.921.189	-
Giá vốn thành phẩm	25.587.346.923	25.129.512.752
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.722.674.019	8.371.554.915
Giá vốn khác	359.752.193	390.215.344
Cộng	72.242.694.324	33.891.283.011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	407.351.707	313.655.513
Lãi chênh lệch tỷ giá	376.074.108	88.537.187
Cộng	783.425.815	402.192.700

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí lãi vay	2.652.194.953	1.467.224.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	657.941.766
Chi phí tài chính khác	692.013.354	149.393.618
Cộng	3.344.208.307	2.274.559.410

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên	3.138.986.030	2.786.853.216
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	51.885.597	81.987.404
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.341.438	22.727.273
Chi phí bảo hành	49.914.000	620.960.000
Chi phí mua ngoài	1.706.002.097	1.803.805.739
Chi phí khác bằng tiền	2.161.018.474	816.577.481
Cộng	7.142.147.636	6.132.911.113

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên	3.672.481.796	2.913.175.731
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	68.832.131	195.963.619
Chi phí vật liệu quản lý	172.754.136	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	196.996.760	187.479.560
Thuế, phí, lệ phí	149.159.944	227.024.924
Chi phí dự phòng	467.050.864	49.881.970
Chi phí mua ngoài	558.795.001	1.303.584.314
Chi phí khác bằng tiền	1.308.574.241	749.918.502
Cộng	6.594.644.873	5.627.028.620

7. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	648.671.455	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	33.512.387	68.151.993
Chi phí khác	2.080.467	858.888
Cộng	684.264.309	69.010.881

8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tạm tính như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.589.200.729	(2.249.421.383)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	549.240.013	158.662.827
Các khoản chi phí loại trừ	565.937.271	462.130.873
Các khoản điều chỉnh giảm	(16.697.258)	(303.468.046)
Chi phí khấu hao của tài sản đánh giá lại	(16.697.258)	(16.697.258)
Lãi Công ty liên doanh, liên kết	-	(286.770.788)
Tổng thu nhập tính thuế	2.138.440.742	(2.090.758.556)
- Thu nhập tính thuế của Công ty mẹ	(5.281.265.405)	(7.604.373.564)
- Thu nhập tính thuế của Công ty con	7.419.706.147	5.513.615.008
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.483.941.229	1.102.723.002

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.922.020	8.140.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	2.922.020	8.140.815

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.227.023.624)	(5.116.198.414)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(380.927.780)	(380.927.780)
<i>Thưởng HDQT, BDH và thù lao HDQT, BKS (*)</i>	(152.290.000)	(152.290.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.760.241.404)	(5.649.416.194)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	4.529.143	4.529.143
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(609)	(1.247)

(*) Tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HDQT, BDH và thù lao HDQT, BKS để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông bằng với số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HDQT, BDH và thù lao HDQT, BKS của 06 tháng đầu năm 2016. Các khoản tạm ước tính này sẽ được điều chỉnh lại khi có Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.760.241.404)	(5.649.416.194)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
<i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.760.241.404)	(5.649.416.194)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cổ phiếu)	4.529.143	4.529.143
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(609)	(1.247)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.378.153.298	79.116.651.186
Chi phí nhân công	17.661.466.552	15.009.510.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.332.917.339	1.461.963.581
Chi phí mua ngoài	6.183.884.576	10.230.543.605
Chi phí khác bằng tiền	5.599.232.645	4.586.312.240
Cộng	101.155.654.410	110.404.981.224

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT:VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong kỳ, không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	59.854.894.126	127.548.154.064
Cộng	59.854.894.126	127.548.154.064

4. Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(57.209.943.905)	(22.298.228.142)
Cộng	(57.209.943.905)	(22.298.228.142)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

2. Nợ tiềm tàng

Không tồn tại các khoản nợ tiềm tàng nào trong tương lai.

3. Tiền lương và tiền thưởng của các thành viên chủ chốt^(*)

Chi tiết	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.472.124.700	1.206.430.658
Cổ tức	24.294.400	-
Cộng	1.496.419.100	1.206.430.658

^(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành

4. Mọi quan hệ với các bên liên quan

Các bên liên quan gồm:

STT	Tên	Mọi quan hệ
1	Công ty CP Công nghệ Tích hợp	Ông Lê Xuân Tiến là Chủ tịch HĐQT Ông Hồ Lê Nhật Hoan là Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
2	Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu	Ông Lê Xuân Tiến là Thành viên HĐQT

Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Công ty CP Công nghệ Tích hợp

	Phải thu	Đã thu	Phải thu	Phải thu
Tiền vay	280.600.000	-	100.000.000	380.600.000

Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu

Không phát sinh giao dịch và số dư

5. Tài sản đảm bảo

- Theo hợp đồng tín dụng số 0160-HĐTD2.VIB625.17 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB – Chi nhánh Sài Gòn, tài sản đảm bảo bao gồm:
 - + Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 đến 30 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB – Chi nhánh Sài Gòn;
 - + Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DB 866611 ngày 08 tháng 01 năm 2011 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB – Chi nhánh Sài Gòn;
 - + Khoản phải thu từ Tổng Công ty Viễn thông Mobiphone và Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông – Vinaphone;
 - Tiền ký quỹ, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 2 phát hành và giá trị dờ dang quyền đòi nợ từ các công trình do Ngân hàng tài trợ.
 - Xe Toyota 51F-524.47 và các Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2, tiền ký quỹ tại Ngân hàng, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh.

7. Báo cáo theo bộ phận

7a. Theo lĩnh vực kinh doanh

	Bán hàng hóa, thành phẩm	Thương mại	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
06 tháng đầu năm 2017					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.266.025.000	48.084.804.700	2.804.074.436	658.830.027	90.813.734.163
Giá vốn hàng bán	25.587.346.923	44.572.921.189	1.722.674.019	359.752.193	72.242.694.324
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.678.678.077	3.511.883.511	1.081.400.417	299.077.834	18.571.039.839
06 tháng đầu năm 2016					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.658.462.960	-	8.355.777.895	972.167.309	44.986.408.164
Giá vốn hàng bán	25.129.512.752	-	8.371.554.915	390.215.344	33.891.283.011
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.528.950.208	-	(15.777.020)	581.951.965	11.095.125.153

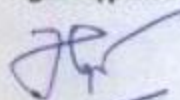
7b. Theo khu vực địa lý

Trong kỳ, hoạt động của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

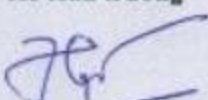
Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Viễn thông VTC và Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỤY KIỀU GIANG

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017



Tổng Giám đốc
LÊ XUÂN TIẾN